

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu 09, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2019; tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 30/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh S tại khu 09, xã N. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra việc cãi nhau; anh S thường có hành vi bạo lực đánh chị nên nhiều lần chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đầu năm 2019, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 23/8/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng như chị T đã trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã xảy ra đánh nhau. Nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng; anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị T và anh chị cũng đã có hai con chung; nên anh không nhất trí ly hôn mà đề nghị vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Chị T và anh S cùng xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Nhật L, sinh ngày 12/7/2012 và Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 21/9/2014. Anh S đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung nếu vợ chồng phải ly hôn và không đề nghị chị T phạt cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Linh Đ, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Nhật L và không đề nghị việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét

xử nghị án thực hiện đúng pháp luật. Đối với bị đơn, không có mặt theo giấy báo phiên tòa của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 21/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Hoàng Nhật L, sinh ngày 12/7/2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về Quyền, nghĩa vụ tài sản, công nợ và công sức: Chị T và anh S không đề nghị Tòa án xem xét, nên đề nghị không giải quyết.

Án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn S thấy rằng:* Chị T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 30/3/2010, không thuộc trường hợp cấm kết hôn. Vì vậy là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương xã N thể hiện: Chị T và anh S sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nhiều lần anh S có hành vi bạo lực đánh chị T, nên vợ chồng sống ly thân và đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm để tránh gây mâu thuẫn trầm trọng hơn.

Trong quá trình chung sống, anh S nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị T được anh S thừa nhận và chính quyền địa phương xác nhận. Trong khi anh S muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Nên cho anh chị về với nhau cũng không thể có hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Thịnh và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

[2]. *Xét đề nghị của chị T và anh S về việc giải quyết nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn thấy rằng:*

Chị T và anh S có hai con chung là Nguyễn Hoàng Nhật L, sinh ngày 12/7/2012 và Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 21/9/2014. Hiện nay cháu L đã trên 7 tuổi; tại buổi làm việc ngày 30/10/2019, cháu L có quan điểm xin được trực tiếp ở với mẹ. Tuy nhiên, hiện nay chị T và anh S đều lao động tự do, nghề nghiệp, công việc chưa ổn định. Nếu giao cả hai con cho chị T hoặc anh S trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của anh chị. Trong khi cháu Nguyễn Linh Đ là con gái, hiện còn nhỏ. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu L cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Do chị T và anh S không yêu cầu xem xét, nên Tòa án không giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. *Về con chung*:

Giao chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 21/9/2014. Giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Nhật L, sinh ngày 12/7/2012. Chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh chị có quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003359, ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng